

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2025

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nguyễn Thành Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Lý Khang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hưởng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Cẩm T**, sinh ngày N

Địa chỉ theo CCCD: Ấp A xã T, tỉnh G.

Địa chỉ tạm trú: Ấp K, xã N, tỉnh Q.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Đức Th**, sinh ngày Z

Địa chỉ theo CCCD: Ấp T, xã N, tỉnh S.

Địa chỉ tạm trú: Ấp K, xã N, tỉnh Q.

(Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2025 của chị Hồ Thị Cẩm T, bản tự khai của chị Hồ Thị Cẩm T, biên bản lấy lời khai anh Bùi Đức Th, nội phiên không hòa giải được ngày 26/11/2025, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

*** Chị Hồ Thị Cẩm T trình bày:**

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tôi cùng anh Bùi Đức Th đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thanh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào năm 2006 và đã được UBND xã Thanh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (Nay là UBND xã Thanh Đông, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177. Bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 03 người con chung là các cháu Bùi Định Thức, sinh ngày 19/7/2007, Bùi Hồ Quang Huy, sinh ngày 30/5/2011, Bùi Phi Thao, sinh ngày 09/10/2014. Trước đây thì tôi và anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huy, cháu Thao; cha của anh Th là ông Bùi Đức Thụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thức, tôi tới lui chu cấp. Trước khi anh Th đi cai nghiện bắt buộc (tháng 11/2024) thì tôi và anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thao; ông Thụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thức và cháu Huy, tôi tới lui chu cấp. Hiện tại thì ông Thụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thức, cháu Huy và cháu Thao hộ tôi và anh Th, tôi tới lui chu cấp. Tôi và anh Th không có tài sản chung, không có nợ chung.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn về nhiều mặt do anh Th sa vào nghiện ngập nên trước đây tôi đã gửi đơn ly hôn anh Th đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang nhưng do anh Th hứa sẽ sửa đổi nên tôi đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó thì anh Th vẫn tiếp tục sa vào nghiện ngập nên chúng tôi đã ly thân từ đầu năm 2024, tiền ai làm người đó xài, không quan tâm đến nhau.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh anh Bùi Đức Th.

- Về con chung:

+ Cháu Bùi Định Thức đã trưởng thành, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Định Thức.

+ Tôi đồng ý cho anh Bùi Đức Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Bùi Hồ Quang Huy, Bùi Phi Thao cho đến khi cháu Huy, cháu Thao tròn 18 tuổi; Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi cam đoan là trong thời gian chung sống thì tôi và anh Bùi Đức Th không có nợ chung, nếu có thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nợ chung.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

** Anh Bùi Đức Th trình bày:*

Chị Hồ Thị Cẩm T trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Tôi thừa nhận tôi có sa vào nghiện ngập nên tôi và chị T phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

Trước khi tôi đi cai nghiện bắt buộc (tháng 11/2024) thì tôi và chị T không có ly thân. Từ khi tôi đi cai nghiện bắt buộc thì tôi và chị T mới ly thân cho đến nay.

Nay chị Hồ Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý ly hôn với chị Hồ Thị Cẩm T.

Nếu Tòa án giải quyết cho tôi và chị Hồ Thị Cẩm T ly hôn thì ý kiến của tôi như sau:

- Về con chung:

+ Cháu Bùi Định Thức đã trưởng thành, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Định Thức.

+ Tôi đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Bùi Hồ Quang Huy, Bùi Phi Thao cho đến khi cháu Huy, cháu Thao tròn 18 tuổi; Tôi không yêu cầu chị Hồ Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi cam đoan là trong thời gian chung sống thì tôi và chị Hồ Thị Cẩm T không có nợ chung, nếu có thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nợ chung.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* *Tại phiên tòa*, chị Hồ Thị Cẩm T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Cẩm T; không xem xét về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung giữa chị Hồ Thị Cẩm T và Bùi Đức Th do chị T, anh Th không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Vào năm 2006, chị Hồ Thị Cẩm T và anh Bùi Đức Th thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 08/8/2025, chị Hồ Thị Cẩm T gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Đức Th và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị T và anh Th. Anh Bùi Đức Th có hộ khẩu thường trú theo căn cước công dân là ấp T, xã N, tỉnh S; tạm trú tại ấp K, xã N, tỉnh Q; hiện nay anh Th đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy Số 2 tỉnh An Giang có địa chỉ tại ấp Kiên Hảo, xã Mỹ Thuận, tỉnh An Giang và anh Th đồng ý để Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang giải quyết vụ án. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Bùi Đức Th không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

1.2. Về việc vắng mặt anh Bùi Đức Th tại phiên tòa: Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/12/2025 cho anh Thiện theo quy định của pháp luật, anh Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 36), được sự thống nhất của đại diện Viện kiểm sát và chị Hồ Thị Cẩm T, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Đức Th theo quy định khoản 1 Điều 227,

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Cẩm T:

2.1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Cẩm T và anh Bùi Đức Th đi đến hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào năm 2006 và đã được UBND xã Thanh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (Nay là UBND xã Thanh Đông, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177 nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị Cẩm T và anh Bùi Đức Th là hôn nhân hợp pháp.

Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và đã ly thân từ tháng 11/2024 nên chị Hồ Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Đức Th. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tuy anh Th không đồng ý ly hôn với chị T, nhưng anh Th tự nguyện thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị T phát sinh là do anh Th sa vào nghiện ngập và khi cháu Bùi Phi Thao được khoảng hai tuổi thì chị T đã gửi đơn ly hôn anh Thiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Tại phiên hòa giải ngày 26/11/2025 cũng như tại phiên tòa, chị T vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Th. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Cẩm T đối với anh Bùi Đức Th.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Hồ Thị Cẩm T và anh Bùi Đức Th có ba người con chung là các cháu Bùi Định Thức, sinh ngày 19/7/2007, Bùi Hồ Quang Huy, sinh ngày 30/5/2011, Bùi Phi Thao, sinh ngày 09/10/2014.

Xét rằng:

2.2.1. Hiện nay cha của anh Bùi Đức Th là ông Bùi Đức Thụ thay anh Th và chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Bùi Định Thức, Bùi Hồ Quang Huy, Bùi Phi Thao hộ chị T và anh Th. Tại bản tự khai ngày 07/11/2025, ông Thụ nêu ý kiến: Việc ly hôn giữa chị T và anh Th thì tùy Tòa án giải quyết; cháu Thức đã trưởng thành, cháu Huy và cháu Thao muốn ở với cha hoặc mẹ khi cha, mẹ ly hôn thì tùy theo quyết định của cháu Huy, cháu Thao, ông không có tranh chấp gì, không có yêu cầu gì trong vụ án này (BL 37) và ông Thụ có đơn từ chối tham gia tố tụng (BL 38). Do đó, Tòa án không đưa ông Thụ vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2.2.2. Căn cứ vào các Điều 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ý kiến của chị T, anh Th, các cháu Huy, Thao và nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, ổn định về tình cảm, tâm lý của các cháu Bùi Hồ Quang Huy, Bùi Phi Thao, Tòa án chấp nhận cho anh Bùi Đức Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các

cháu Bùi Hồ Quang Huy, Bùi Phi Thao cho đến khi cháu Huy, cháu Thao tròn 18 tuổi.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi các cháu Bùi Hồ Quang Huy, Bùi Phi Thao: Do anh Bùi Đức Th không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Định Thức: Do cháu Bùi Định Thức đã trưởng thành và chị Hồ Thị Cẩm T, anh Bùi Đức Th không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

2.5. Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.6. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Hồ Thị Cẩm T, anh Bùi Đức Th không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về hướng giải quyết vụ án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Cẩm T.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Hồ Thị Cẩm T phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Hồ Thị Cẩm T phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hồ Thị Cẩm T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 2293, ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị Hồ Thị Cẩm T không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Bùi Đức Th không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

- 1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Cẩm T và anh Bùi Đức Th.
 - 2- Về con chung:
 - 2.1- Về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Định Thức, sinh ngày 19/7/2007: Cháu Bùi Định Thức đã trưởng thành và chị Hồ Thị Cẩm T, anh Bùi Đức Th không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.
 - 2.2- Cho anh Bùi Đức Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Bùi Hồ Quang Huy, sinh ngày 30/5/2011, Bùi Phi Thao, sinh ngày 09/10/2014 cho đến khi cháu Bùi Hồ Quang Huy, cháu Bùi Phi Thao tròn 18 tuổi.
 - 2.3- Chị Hồ Thị Cẩm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.
 - 3- Về cấp dưỡng nuôi các cháu Bùi Hồ Quang Huy, Bùi Phi Thao: Anh Bùi Đức Th không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.
 - 4- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị Cẩm T, anh Bùi Đức Th không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.
 - 5- Về án phí:
 - 5.1. Chị Hồ Thị Cẩm T phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Hồ Thị Cẩm T phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hồ Thị Cẩm T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 2293, ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị Hồ Thị Cẩm T không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
 - 5.2. Anh Bùi Đức Th không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
- 6- Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị Cẩm T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (25/12/2025); anh Bùi Đức Th có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3, tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang (khi án có hpl);
- UBND xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang (khi án có hpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

